



Báo cáo cập nhật Vĩ mô

Quý I 2022

Ngày 05/04/22

Trịnh Viết Hoàng Minh
CVPT – Vĩ mô

Trịnh Viết Hoàng Minh

(+84 28) 3823 4159 - Ext: 352

minhtvh@acbs.com.vn

Chỉ báo vĩ mô Q1/22

GDP	+5,03%
Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	+2,45%
Ngành công nghiệp và xây dựng	+6,38%
Ngành Dịch vụ	+4,58%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	+6,44%
Khai khoáng	+1,00%
Chế biến, chế tạo	+7,04%
Sản xuất và phân phối điện	+7,10%
Cung cấp nước, xử lý rác thải	+5,25%
Tổng kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	88.579
Tổng kim ngạch nhập khẩu (triệu USD)	87.770
Cán cân thương mại (triệu USD)	890
FDI giải ngân (triệu USD)	4.420
FDI đăng ký (triệu USD)	7.280
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	+4,44%
CPI	+1,92%
CPI cơ bản	+0,81%

BÁO CÁO CẬP NHẬT VĨ MÔ Q1/2022

Sau một vài tháng chuyển sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19, nền kinh tế Việt Nam cơ bản đã lấy lại đà tăng trưởng và tiếp tục ghi nhận các yếu tố cơ bản tăng trưởng tương đối tốt trong Q1/2022.

Cụ thể, GDP trong Q1/2022 tăng 5,03% n/n so với Q1/2021. Hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi và tăng trưởng, trong đó IIP ghi nhận mức tăng trưởng dương trong Q1/2022 tăng hơn 6,44% n/n (sv. +5,74% n/n trong Q4/2021). Ngoài ra, chỉ số PMI cũng tiếp tục chỉ báo những dấu hiệu hồi phục trong 3 tháng liên tiếp của Q1/2022 (T1/22 – 53,7; T2/22 – 54,3; T3/22 – 51,7).

Vốn FDI giải ngân cũng phục hồi trong Q1/2022 (+7,8% n/n sv. +6,5% n/n trong Q1/2021) chủ yếu nhờ các biện pháp kiểm dịch và giãn cách xã hội được nới lỏng, và các hoạt động sản xuất công nghiệp hồi phục và tăng trưởng. Mặc dù vốn FDI đăng ký trong Q1/2022 giảm 21,9% n/n nhưng vẫn ở mức cao so với cùng kỳ năm 2020 và 2019 (lần lượt +10,4% và +42,2% so với Q1/2020 và Q1/2019) và chúng tôi duy trì quan điểm lạc quan rằng dòng vốn FDI trong tương lai sẽ vẫn mạnh do Việt Nam vẫn là một điểm đến đầu tư hấp dẫn cho các doanh nghiệp FDI. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, chỉ số CPI Q1/2022 tăng 1,92% n/n, hơi cao một chút do giá xăng dầu tăng cao trong kỳ, nhưng lạm phát vẫn thấp hơn nhiều so với mục tiêu của chính phủ là 4% và vẫn trong tầm kiểm soát.

Trong những tháng gần đây, một số sự kiện có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng nền kinh tế Việt Nam bao gồm (1) FED tăng lãi suất (2) căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine; (3) Trung Quốc đóng cửa một số thành phố lớn do bùng phát dịch COVID-19, bao gồm thành phố Thẩm Quyển, Đông Quan, Thượng Hải và Tây An; và (4) lạm phát gia tăng trên bình diện toàn cầu. Tuy nhiên, mặc dù lo ngại những sự kiện đó có thể làm giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong những quý sắp tới của năm 2022, chúng tôi vẫn duy trì kỳ vọng rằng tốc độ tăng trưởng GDP sẽ dần phục hồi trong ba quý cuối năm 2022 với sự hỗ trợ của (1) tất cả các hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi và tăng trưởng, qua đó sẽ thúc đẩy các hoạt động từ khu vực FDI về mặt đầu tư và xuất khẩu; và (2) sự phục hồi của các ngành dịch vụ sau khi được phép mở cửa lại phần lớn các loại hình kinh doanh dịch vụ đi kèm với việc mở cửa trở lại đón khách du lịch quốc tế và các hoạt động giao thông vận tải trở lại vận hành bình thường.

Ngoài ra, gói hỗ trợ tài khóa, tiền tệ ước tính khoảng 337 nghìn tỷ đồng (291 nghìn tỷ đồng cho gói hỗ trợ tài khóa và 46 nghìn tỷ đồng cho gói hỗ trợ tiền tệ), để hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau dịch COVID-19 sẽ được giải ngân bắt đầu từ Q2/2022, cùng với hơn 453 nghìn tỷ đồng (trong tổng số 530 nghìn tỷ đồng) vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước cần giải ngân trong năm 2022 sẽ thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong ba quý cuối năm 2022. Nhìn chung, chúng tôi duy trì quan điểm rằng nền kinh tế của Việt Nam sẽ tăng trưởng tốt trong năm 2022.

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục ghi nhận các yếu tố cơ bản tương đối tốt trong Q1/2022

- GDP Q1/2022 tăng 2,58% n/n, với:
 - Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,45% n/n trong Q1/2022 (sv. +3,51% n/n trong Q1/2021);
 - Ngành công nghiệp và xây dựng tăng 6,38% n/n trong Q1/2022 (sv. +6,33% n/n trong Q1/2021); và
 - Ngành dịch vụ tăng 4,58% n/n trong Q1/2022 (sv. +3,62% n/n trong Q1/2021).

Hoạt động sản xuất công nghiệp của Việt Nam tiếp tục hồi phục và tăng trưởng trong Q1/2022

- IIP Q1/2022 tăng 6,44% (sv. +5,74% n/n trong Q1/2021), với:
 - IIP các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,04% n/n trong Q1/2022 (sv. +7,95% trong Q1/2021);
 - IIP các ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,10% trong Q1/2022 (sv. +3,32% trong Q1/2021);

- IIP các ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,25% n/n trong Q1/2022 (sv. +6,38% trong Q1/2021); và
- IIP các ngành khai khoáng tăng 1,00% n/n trong Q1/2022 (sv. -8,13% trong Q1/2021).

Dòng vốn FDI hồi phục Q1/2022 và dự kiến tiếp tục ổn định trong năm 2022

- Vốn FDI giải ngân trong Q1/2022 đạt 4,4 tỷ USD (+7,8% n/n), và tổng vốn FDI đăng ký trong Q1/2022 giảm 21,9% so với cùng kỳ, đạt 7,3 tỷ USD. Vốn góp và mua cổ phần vẫn tăng mạnh 102% n/n, đạt 1,6 tỷ USD
- Top 3 đối tác đầu tư vốn FDI vào Việt Nam trong Q1/2022 gồm Singapore (1,8 tỷ USD), Hàn Quốc (1,5 tỷ USD) và Đan Mạch (1,3 tỷ USD).
- Top 3 lĩnh vực thu hút FDI gồm lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút hơn 5 tỷ USD vốn đăng ký trong 2021, lĩnh vực bất động sản chiếm 1,7 tỷ USD và lĩnh vực sản xuất và phân phối điện, khí, nước, điều hòa chiếm 183 triệu USD.

Tổng kim ngạch XNK của Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng

- Cụ thể, theo báo cáo của Tổng cục thống kê, tổng kim ngạch XNK trong Q1/2022 đạt 176 tỷ USD (+14,5% n/n) với xuất khẩu đạt 88,6 tỷ USD (+13% n/n) trong khi nhập khẩu đạt 87,8 tỷ USD (+16,1% n/n). Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại tổng cộng 809 triệu USD trong năm Q1/2022.

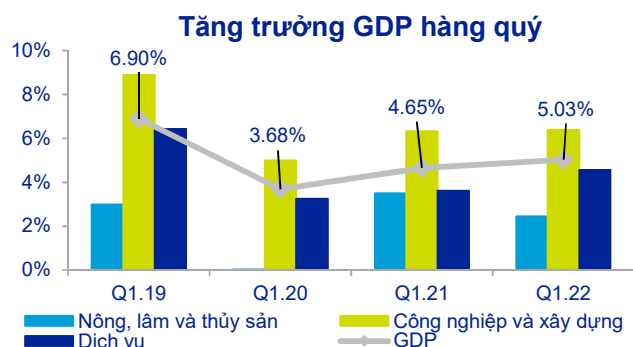
Lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát, và thấp so với mục tiêu lạm phát 4% của chính phủ

- Nhìn chung, chỉ số lạm phát cơ bản bình quân Q1/2022 tăng 1,92% so với trung bình cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, CPI cơ bản trung bình Q1/2022 tăng 0,81% so với cùng kỳ.

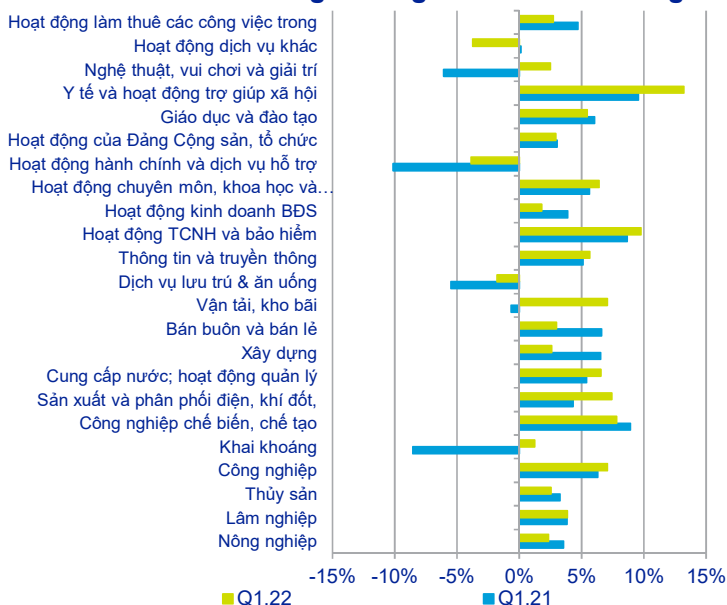
GDP

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục ghi nhận các yếu tố cơ bản tương đối tốt trong Q1/2022

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục ghi nhận sự phục hồi trong Q1/2022 với tăng trưởng GDP đạt 5,03% trong Q1/2022 so với Q1/2021 (sv. +4,65% trong Q1/21). Tốc độ tăng trưởng GDP của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, động lực tăng trưởng chính GDP, hồi phục và ghi nhận mức tăng 7,79% n/n trong Q1/2022 (sv. +8,90% n/n trong Q1/21). Ngành dịch vụ cũng dần hồi phục và ghi nhận tăng trưởng 4,58% n/n trong Q1/2022 (sv. +3,62% n/n trong Q1/21).



Tăng trưởng GDP theo nhóm ngành



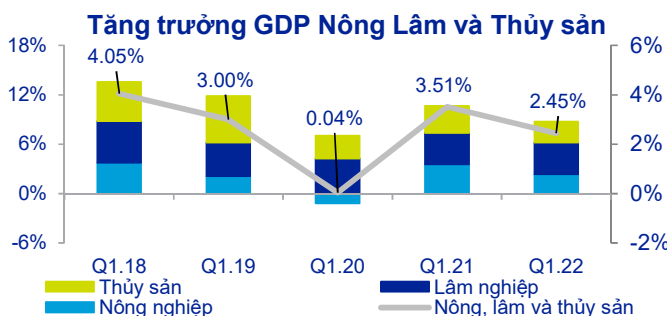
Nguồn: Tổng cục thống kê

Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì tăng trưởng trong Q1/2022, tăng 2,45% trong Q1/2022 chủ yếu nhờ thời tiết tốt và năng suất các loại cây trồng và gia súc, gia cầm duy trì tốt.

Ngành nông nghiệp ghi nhận mức tăng 2,35% n/n (sv +3,55% trong Q1/21) nhờ thời tiết tốt giúp gia tăng năng suất lúa gạo trong vụ Đông-Xuân (tăng 7,4 tạ/ha so với vụ trước) và các cây trồng cũng như gia súc gia cầm cho năng suất tốt.

Bên cạnh đó, ngành lâm nghiệp cũng ghi nhận mức tăng 3,86% n/n trong Q1/2022 (sv. +3,82% n/n trong Q1/21), phần lớn do sản xuất xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ tiếp tục hồi phục và hoạt động xuất khẩu ổn định.

Ngoài ra, ngành thủy sản hồi phục sau khi mở cửa nền kinh tế và nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội, ghi nhận tăng trưởng 2,54% n/n trong Q1/2022 chủ yếu nhờ sự hồi phục xuất khẩu thủy hải sản (+38,7% n/n trong Q1/22 sv. +6,3% n/n trong Q1/21) và chuỗi cung ứng & kênh phân phối vận hành bình thường trở lại.

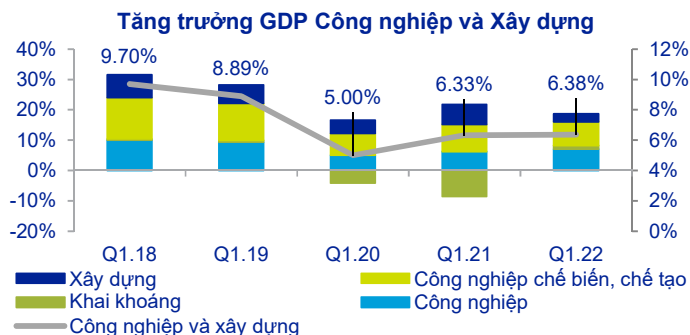


	Q1/2022	Q1/2021	Q1/2020
Nông, lâm và thủy sản	2,45%	3,51%	0,04%
Nông nghiệp	2,35%	3,55%	-1,16%
Lâm nghiệp	3,86%	3,82%	4,27%
Thủy sản	2,54%	3,25%	2,79%

Nguồn: Tổng cục thống kê

Mở cửa nền kinh tế trở lại và nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội cũng giúp **ngành công nghiệp và xây dựng** lấy lại đà tăng trưởng trong Q1/2022. Cụ thể, ngành này ghi nhận mức giảm 6,38% n/n trong Q1/2022 (sv. +6,33% n/n trong Q1/21). Ngành

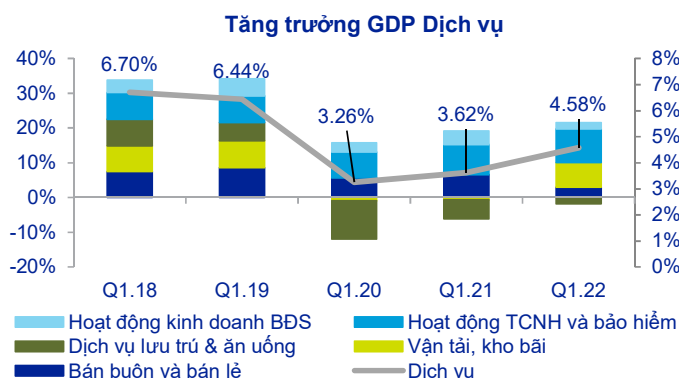
công nghiệp chế biến, chế tạo, nhóm ngành dẫn dắt đà tăng trưởng của toàn ngành công nghiệp và xây dựng ghi nhận mức tăng trưởng 7,07% n/n trong Q1/2022 chủ yếu nhờ việc khởi động lại và phục hồi các hoạt động sản xuất công nghiệp sau khi chuyển từ chiến lược không-ca-COVID-19 sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19 trong các khu vực kinh tế và công nghiệp chính (IIP ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,44% n/n trong Q1/2022). Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng cũng được duy trì, tăng 2,57% n/n trong Q1/2022. Ngoài ra, ngành khai khoáng đã hồi phục trở lại, ghi nhận mức tăng 1,23% n/n trong Q1/2022.



	Q1/2022	Q1/2021	Q1/2020
Công nghiệp và Xây dựng	6,38%	6,33%	5,00%
Khai khoáng	7,07%	6,29%	5,10%
Công nghiệp	1,23%	-8,54%	-4,18%
Xây dựng	7,79%	8,90%	7,12%

Nguồn: Tổng cục thống kê

Ngành dịch vụ cũng khởi sắc trở lại khi hoạt động giao thông vận tải vận hành bình thường trở lại và hầu hết các hoạt động dịch vụ đều được mở cửa trở lại khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng trong Q1/2022. Cụ thể, ngành dịch vụ ghi nhận tăng trưởng 4,58% n/n trong Q1/2022 với ngành dịch vụ y tế & hoạt động trợ giúp xã hội và ngành dịch vụ TCNH và Bảo hiểm tăng mạnh nhất với mức tăng lần lượt 13,22% n/n và 7,06% n/n trong Q1/2022. Ngược lại, ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống vẫn chưa hồi phục hoàn toàn khi vẫn ghi nhận mức giảm 1,79% n/n trong Q1/2022.



	Q1/2022	Q1/2021	Q1/2020
Dịch vụ	4,58%	3,62%	3,26%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	13,22%	9,57%	9,97%
Vận tải, kho bãi	7,06%	-0,65%	-0,90%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	-1,79%	-5,48%	-11,04%
TCNH và Bảo hiểm	9,75%	8,67%	7,40%

Nguồn: Tổng cục thống kê

NHẬN ĐỊNH:

Sau vài tháng chuyển sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19, Việt Nam cơ bản đã lấy lại đà tăng trưởng và khởi đầu Q1/2022 với những chỉ số cơ bản tương đối tốt, với tăng trưởng GDP trong Q1/2022 đạt 5,03% n/n, thấp hơn một chút so với mức tăng 5,5% n/n dự phóng của chúng tôi, được hỗ trợ bởi sự hồi phục mạnh mẽ của ngành công nghiệp và xây dựng và tăng trưởng xuất khẩu mạnh mẽ từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

Trong tháng qua, có một số sự kiện có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng nền kinh tế Việt Nam, bao gồm:

- (1) FED tăng lãi suất;
- (2) căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine;
- (3) Trung Quốc đóng cửa một số thành phố lớn do bùng phát dịch COVID-19 trong T3/2022, bao gồm thành phố Thâm Quyển, Đông Quan, Thượng Hải và Tây An; và
- (4) lạm phát gia tăng trên bình diện toàn cầu.

Tuy nhiên, bất chấp lo ngại về những sự kiện trên có thể làm chậm triển vọng tăng trưởng của Việt Nam trong những quý sắp tới của năm 2022, chúng tôi vẫn duy trì kỳ vọng tốc độ tăng trưởng GDP vẫn sẽ tiếp tục phục hồi trong ba quý cuối năm 2022 với sự hỗ trợ từ:

- (1) tất cả các hoạt động công nghiệp tiếp tục phục hồi và tăng trưởng sau khi chuyển từ chiến lược không-ca-COVID-19 sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19 trong các khu vực kinh tế và công nghiệp lớn cùng với nhu cầu toàn cầu tăng cao sẽ thúc đẩy các hoạt động đầu tư và xuất khẩu từ khu vực FDI.
- (2) sự phục hồi của ngành dịch vụ sau khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng sẽ giúp phần lớn các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ phục hồi nhờ (1) hoạt động tiêu dùng nội địa được cải thiện sau khi COVID-19 được kiểm soát, (2) mở cửa trở lại hoạt động du lịch quốc tế và (3) hoạt động vận chuyển hàng hóa được vận hành bình thường giúp thúc đẩy hoạt động thương mại, đặc biệt là xuất khẩu của khu vực FDI.

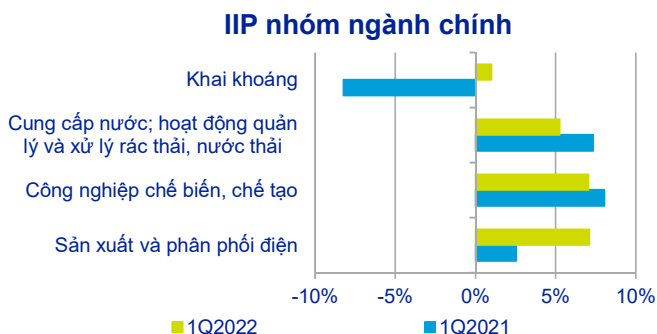
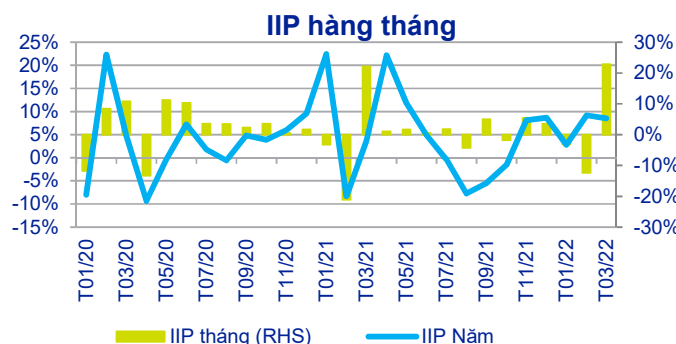
Ngoài ra, gói hỗ trợ tài khóa, tiền tệ ước tính khoảng 337 nghìn tỷ đồng (291 nghìn tỷ đồng cho gói hỗ trợ tài khóa và 46 nghìn tỷ đồng cho gói hỗ trợ tiền tệ), nhằm hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau dịch COVID-19 sẽ được giải ngân bắt đầu từ Q2/2022, đặc biệt là gói phát triển cơ sở hạ tầng (113,85 nghìn tỷ đồng), cùng với hơn 453 nghìn tỷ đồng (trong tổng số 530 nghìn tỷ đồng) vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước cần giải ngân trong năm 2022 sẽ thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong ba quý cuối năm 2022.

Với tình hình kinh tế vĩ mô gần đây, chúng tôi đã cập nhật dự báo của mình với 2 kịch bản cho GDP mà chúng tôi cho rằng có thể xảy ra vào Q2/2022 và cho cả năm FY2022:

- (1) Kịch bản tích cực, với giả thuyết chiến dịch sống-cùng-với-COVID-19 thành công và không có một đợt bùng phát dịch tại các tỉnh thành phố lớn, tất cả các hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi & tăng trưởng và ngành dịch vụ phục hồi hoàn toàn với sự hỗ trợ của các hoạt động giao thông vận tải vận hành bình thường và hoạt động du lịch quốc tế. Với những giả định trên, chúng tôi kỳ vọng rằng GDP của Việt Nam trong 6T2022 và 2022 sẽ tăng trưởng lần lượt 6,2% n/n và 6,9% n/n.
- (2) Kịch bản thứ hai của chúng tôi là với giả thuyết kém lạc quan hơn, giả định chiến dịch sống-cùng-với-COVID-19 thành công và không có một đợt bùng phát dịch tại các tỉnh thành phố lớn, nhưng các hoạt động công nghiệp vẫn hồi phục nhưng chậm do nhu cầu toàn cầu suy giảm và ngành dịch vụ vẫn chưa hoàn toàn hồi phục trong ba quý cuối năm 2022. Với giả thuyết này, chúng tôi ước tính GDP trong 6T2022 và 2022 sẽ tăng trưởng lần lượt 5,3% n/n và 5,8% n/n.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

Hoạt động sản xuất công nghiệp của Việt Nam tiếp tục hồi phục và tăng trưởng trong Q1/2022

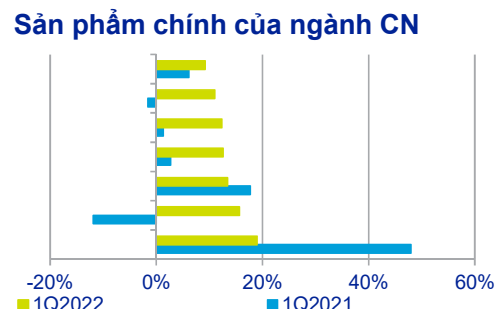
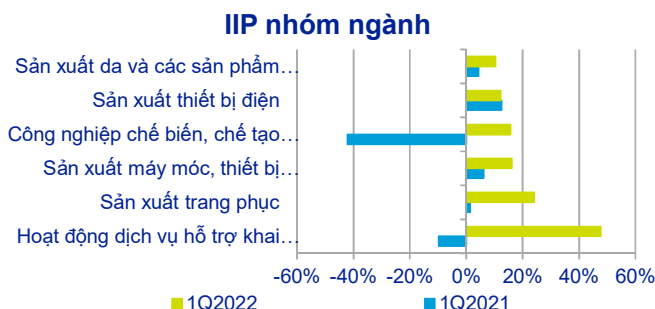


Nguồn: Tổng cục thống kê

Sau khi chuyển từ chiến lược không-ca-COVID-19 sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19, các hoạt động sản xuất công nghiệp trong Q1/2022, với chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong Q1/2022 ghi nhận tăng trưởng 6,44% n/n, dẫn dắt bởi sự tăng trưởng của IIP ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 7,04% n/n. IIP các ngành sản xuất và phân phối điện và IIP các ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải cũng lần lượt tăng 7,10% n/n và 5,25% n/n. Thêm vào đó, IIP các ngành khai khoáng quay đầu tăng 1,00% n/n trong Q1/2022.

Tăng trưởng IIP trong Q1/2022 được đóng góp chủ yếu từ ngành hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng (+47,7% n/n), sản xuất trang phục (+24,1% n/n) nhờ nhu cầu xuất khẩu gia tăng (+22,5% n/n), sản xuất máy móc, thiết bị (+16,2% n/n) và sản xuất thiết bị điện (+12,2% n/n).

	Q1/2022	Q1/2021
IIP	6,44%	5,69%
Khai khoáng	1,00%	-8,23%
<i>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng</i>	<i>47,69%</i>	<i>-9,77%</i>
Công nghiệp chế biến, chế tạo	7,04%	8,04%
<i>Sản xuất trang phục</i>	<i>24,07%</i>	<i>1,38%</i>
<i>Sản xuất máy móc, thiết bị</i>	<i>16,18%</i>	<i>6,08%</i>
<i>Sản xuất thiết bị điện</i>	<i>12,19%</i>	<i>12,54%</i>
Sản xuất & phân phối điện	7,10%	2,53%
Cung cấp nước & xử lý rác thải	5,25%	7,34%



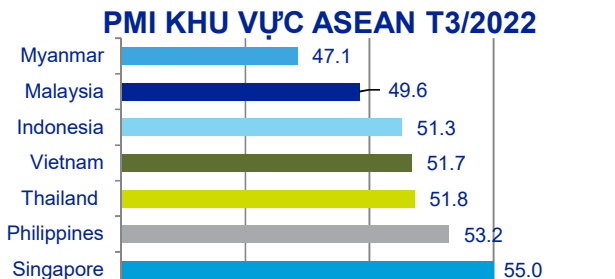
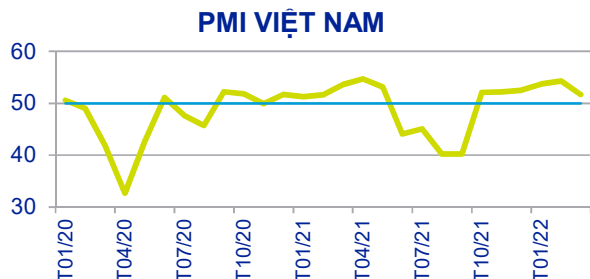
Nguồn: Tổng cục thống kê

Hoạt động sản xuất công nghiệp Việt Nam chậm lại trong T3/2022 nhưng tổng thể Q1/2022 vẫn tiếp tục chỉ báo sự hồi phục

Theo Nikkei Markit, chỉ số PMI T1/2022, T2/2022 và T3/2022 ghi nhận lần lượt 53,7; 54,3 & 51,7, tiếp tục chỉ báo những dấu hiệu hồi phục của các hoạt động sản xuất công nghiệp khi đợt bùng phát dịch COVID-19 gần đây được kiểm soát và các khu vực công nghiệp lớn tiếp tục tái khởi động lại các hoạt động sản xuất. Theo báo cáo của PMI, sau khi tăng trong T1 và T2, sự hồi phục của các hoạt động công nghiệp đã chậm lại trong T3 do số lượng ca nhiễm COVID-19 tăng cao trong T3 gây thiếu hụt lao động và

giảm năng suất. Ngoài ra, áp lực lạm phát cũng được cho là một nguyên nhân khiến tốc độ hồi phục của khu vực công nghiệp trong T3 chậm lại. Giá xăng dầu tăng cao khiến chi phí đầu vào gia tăng với tốc độ nhanh nhất trong vòng 11 năm qua.

Chỉ số PMI của Việt Nam tăng lên vùng mở rộng (>50) trong T3/2022 cùng với Singapore, Philippines, Thailand và Indonesia là những nước báo cáo sự hồi phục của khu vực công nghiệp trong T3/2022. Cụ thể, PMI Singapore (55), Philippines (53,2), Thailand (51,8), Indonesia (51,3), Malaysia (49,6), và Myanmar (47,1).



Nguồn: HIS Markit

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi chuyển sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19, các hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục hồi phục và tăng trưởng trong Q1/2022. Tuy nhiên, một vài thách thức mà ngành công nghiệp của Việt Nam phải đối mặt trong những quý sắp tới của năm 2022 bao gồm:

- (1) Căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine đã khiến giá hàng hóa tăng vọt, đặc biệt là các sản phẩm chính của hai nước này bao gồm dầu, khí đốt, sắt thép, phân bón, than và các sản phẩm nông nghiệp. Tính đến cuối năm 2021, Việt Nam nhập khẩu khoảng 12% than, 10% phân bón và 4% sắt thép từ Nga và hơn 7% lúa mì từ hai nước Nga và Ukraine. Giá than, sắt thép và lúa mì tăng có thể gây áp lực lên giá thành sản xuất của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, nguồn cung than giảm và giá than tăng có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất điện của Việt Nam trong những tháng tới, và có thể gây ra tình trạng thiếu điện và có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất công nghiệp trong những tháng tới.
- (2) Giá dầu tăng gần đây cũng có thể sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá xăng dầu trong nước của Việt Nam và gây áp lực lên chi phí vận tải và sẽ gián tiếp làm tăng áp lực lên giá các nguyên vật liệu sản xuất khác và một lần nữa tác động xấu đến các hoạt động sản xuất công nghiệp;
- (3) Trung Quốc đóng cửa và gia tăng các biện pháp kiểm dịch tại một số thành phố lớn do bùng phát dịch COVID-19, bao gồm các thành phố Thâm Quyến, Đông Quan, Trường Xuân, Cát Lâm, Thượng Hải và Tây An. Trung Quốc vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược không-ca-COVID-19, do đó, việc Trung Quốc đóng cửa các thành phố công nghiệp và tài chính lớn có thể tiếp tục gây sức ép lên chuỗi cung ứng toàn cầu vốn đang căng thẳng và tiếp tục làm gia tăng chi phí vận chuyển cũng như giá nguyên vật liệu sản xuất, và cuối cùng tiếp tục ảnh hưởng xấu đến hoạt động của ngành công nghiệp trong những tháng sắp tới; và
- (4) Đợt bùng phát COVID-19 lớn có thể gây ra tình trạng thiếu lao động do số ca lây nhiễm tăng cao.

May mắn thay, chúng tôi kỳ vọng rằng một số yếu tố hỗ trợ sẽ thúc đẩy lĩnh vực sản xuất công nghiệp của Việt Nam trong những tháng sắp tới của năm 2022 như:

- (1) Các nhà sản xuất của Việt Nam vẫn là nhà sản xuất chi phí thấp, sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô và với chi phí lao động cạnh tranh so với nhiều nước trong khu vực vẫn hấp dẫn các doanh nghiệp đầu tư và thành lập nhà máy sản xuất, giúp gia tăng các hoạt động sản xuất công nghiệp;
- (2) Việt Nam, với một danh sách dài các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đã đạt được cho đến nay như Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Thương mại Tự do Anh - Việt (UKVFTA), và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cũng nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam với tư cách là một trung tâm sản xuất xuất khẩu chi phí thấp; và
- (3) Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 57/2021/NĐ-CP (Nghị định 57), ngày 4/6/2021 Ưu đãi thuế TNDN với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển có liên quan đến cung cấp nguyên liệu, phụ tùng, linh kiện cho các ngành sản xuất công nghiệp. Ưu đãi thuế mới dự kiến sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư hơn và tăng cường khả năng cạnh tranh của Việt Nam với tư cách là một trung tâm sản xuất chi phí thấp.

Hoạt động thương mại

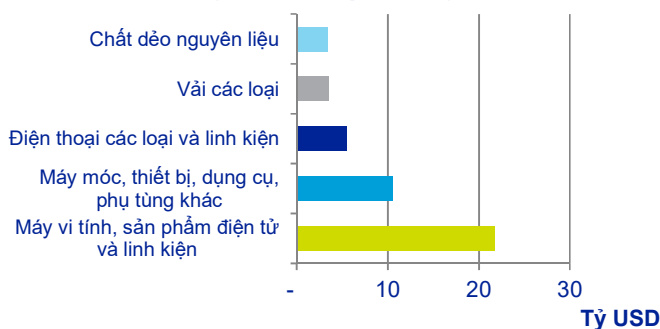
Tổng kim ngạch XNK của Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng

Hoạt động thương mại tiếp tục ổn định trong Q1/2022 với tổng kim ngạch XNK của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ổn định và xuất khẩu cũng hồi phục trong Q1/2022. Cụ thể, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tăng 14,5% n/n trong Q1/2022 (sv. +25,6% n/n trong Q1/21), với xuất khẩu trong Q1/2022 đạt 88,6 tỷ USD (+13,0% n/n), trong khi nhập khẩu đạt 87,8 tỷ USD (+16,1% n/n). Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại tổng cộng 809 triệu USD trong Q1/2022.

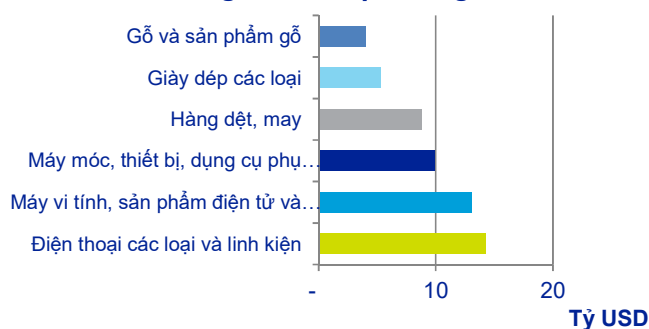
Nhóm hàng xuất khẩu chủ lực trong Q1/2022 bao gồm điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; hàng dệt may; và giày dép. Trong khi đó, nhóm hàng hóa nhập khẩu chủ lực trong Q1/2022 gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; điện thoại các loại và linh kiện; vải các loại; và chất dẻo nguyên liệu.

(Tỷ USD)	Q1/2022	Q1/2022	22 vs 21
Xuất khẩu	88,58	78,40	13,0%
Nhập khẩu	87,77	75,61	16,1%
Xuất khẩu ròng	0,81	2,79	
Nhóm hàng XK chủ lực			
Điện thoại các loại và linh kiện	14,24	14,37	-0,9%
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	13,05	11,95	9,2%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	9,92	9,12	8,8%
Hàng dệt, may	8,84	7,21	22,5%
Giày dép các loại	5,29	4,80	10,1%
Nhóm hàng NK chủ lực			
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	21,73	16,58	31,1%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	10,57	10,85	-2,6%
Điện thoại các loại và linh kiện	5,54	4,81	15,2%
Chất dẻo nguyên liệu	3,54	2,98	18,6%
Vải các loại	3,43	2,88	18,9%

Nhóm hàng XK chủ lực trong Q1/2022



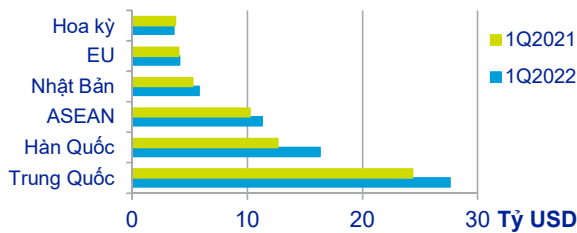
Nhóm hàng NK chủ lực trong Q1/2022



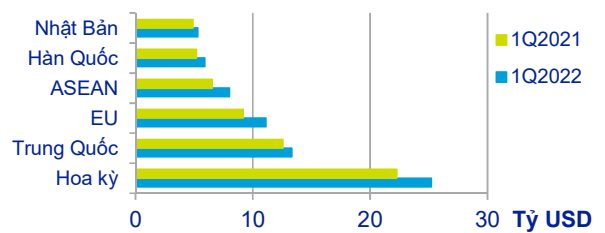
Nguồn: Hải quan Việt Nam và TCTK

Trong năm Q1/2022, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 25,2 tỷ USD (+13,3% n/n). Đối tác lớn thứ hai, Trung Quốc, ghi nhận 13,3 tỷ USD (+5,9% n/n) và đối tác lớn thứ ba EU đạt 11,1 tỷ USD (+21,0% n/n). Trong khi đó, Trung Quốc vẫn là nước nhập khẩu hàng đầu vào Việt Nam trong Q1/2022 với kim ngạch đạt 27,6 tỷ USD (+13,3% n/n), tiếp theo là Hàn Quốc (16,3 tỷ USD, +28,9% n/n) và ASEAN (11,3 tỷ USD, +10,5% n/n).

Thị trường NK lớn nhất



Thị trường XK lớn nhất



Nguồn: Hải quan Việt Nam và TCTK

NHẬN ĐỊNH:

Xuất khẩu vẫn là động lực tăng trưởng kinh tế chính của đất nước khi các hoạt động sản xuất dần phục hồi và kim ngạch xuất khẩu dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang dần phục hồi. Chúng tôi kỳ vọng rằng các hoạt động thương mại sẽ tiếp tục gia tăng trong năm 2022 nhờ những yếu tố hỗ trợ:

- (1) Việt Nam sẽ tiếp tục là một trung tâm sản xuất thay thế cho các nhà sản xuất chuyển các hoạt động sản xuất ra khỏi Trung Quốc trong bối cảnh cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung vẫn chưa có hồi kết nhờ các chính sách thân thiện với nhà đầu tư, môi trường kinh doanh năng động, môi trường chính trị tương đối ổn định, chi phí thấp và thị trường tiêu dùng năng động;
- (2) Việt Nam, với một danh sách dài các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đã đạt được cho đến nay như Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Thương mại Tự do Anh - Việt (UKVFTA), và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) cũng nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam với tư cách là một trung tâm sản xuất xuất khẩu chi phí thấp;
- (3) Năm 2020, Nga nằm trong số các nhà xuất khẩu cá đông lạnh hàng đầu sang EU, do đó, căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine có thể là cơ hội để Việt Nam giành thị phần xuất khẩu của Nga trong EU nhờ Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA) với EU.

Tuy nhiên, một số thách thức gần đây đối với hoạt động thương mại của Việt Nam có thể phải đối mặt trong các quý sắp tới của năm 2022 bao gồm:

- (1) Căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine có thể không ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động thương mại của chúng ta nhưng sẽ ảnh hưởng gián tiếp đến chúng ta thông qua sự gián đoạn chuỗi cung ứng và chi phí vận chuyển tăng cao, do đó sẽ làm tổn hại đến các hoạt động thương mại của chúng ta khi xuất khẩu vẫn là động lực tăng trưởng kinh tế chính của Việt Nam;
- (2) Việc Trung Quốc đóng cửa một số thành phố lớn do bùng phát dịch COVID-19 có thể gia tăng sự gián đoạn chuỗi cung ứng, do đó sẽ tiếp tục làm tổn hại đến các hoạt động thương mại của chúng ta.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Dòng vốn FDI hồi phục Q1/2022 và dự kiến tiếp tục ổn định trong năm 2022

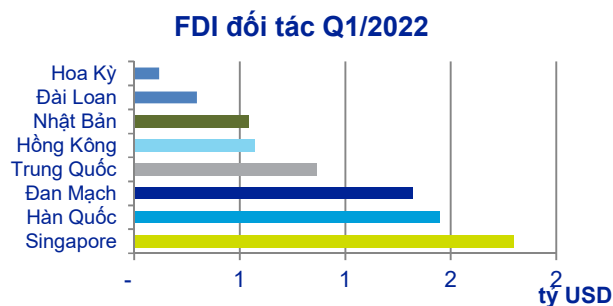
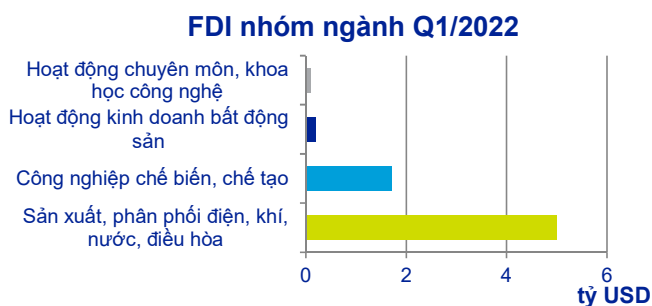
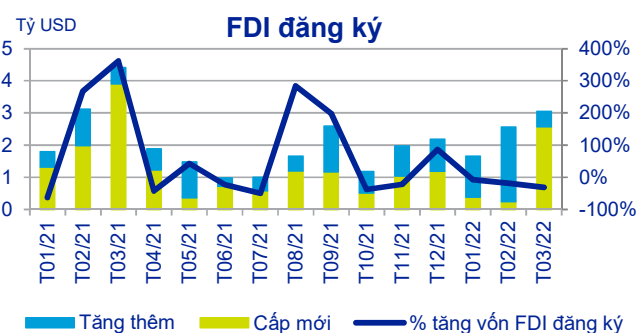
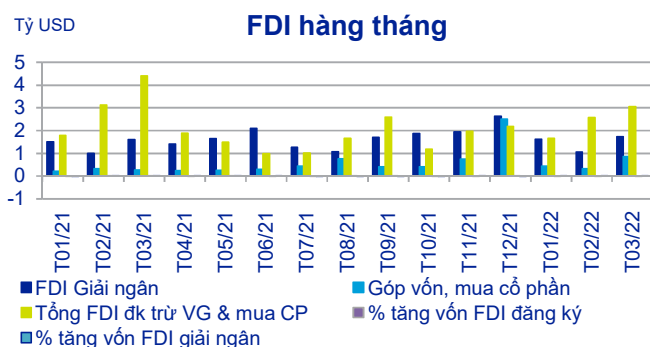
Vốn FDI giải ngân trong Q4/2021 đạt 6,5 tỷ USD (+3,9% n/n), và tổng vốn FDI đăng ký trong Q4/2021 giảm nhẹ 4,5% so với cùng kỳ, đạt 5,3 tỷ USD. Vốn góp và mua cổ phần vẫn tăng mạnh 111% n/n, đạt 3,7 tỷ USD

Nhìn chung, vốn FDI giải ngân trong 2021 đạt 19,7 tỷ USD (-1,2% n/n), và tổng vốn FDI đăng ký trong 2021 tăng 15,4% so với cùng kỳ, đạt 24,3 tỷ USD. Vốn góp và mua cổ phần vẫn giảm 8% n/n, đạt 6,9 tỷ USD.

Top 3 đối tác đầu tư vốn FDI vào Việt Nam trong 2021 gồm Singapore (7,3 tỷ USD), Nhật Bản (3,7 tỷ USD), và Hàn Quốc (4,4 tỷ USD).

Top 3 lĩnh vực thu hút FDI gồm lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút hơn 14,6 tỷ USD vốn đăng ký trong 2021, lĩnh vực sản xuất và phân phối điện chiếm 5,6 tỷ USD và lĩnh vực bất động sản chiếm 1,6 tỷ USD.

Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút vốn FDI mạnh nhất trong năm 2021, chiếm 14,6 tỷ USD vốn đăng ký trong năm 2021 (chiếm hơn 60% tổng vốn FDI đăng ký). Lĩnh vực sản xuất phân phối điện đứng thứ hai trong năm 2021, chiếm 5,6 tỷ USD vốn đăng ký trong năm 2021 (chiếm hơn 23% tổng vốn FDI đăng ký). Và lĩnh vực bất động sản chiếm 1,6 tỷ USD (7% tổng vốn FDI đăng ký).



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

NHẬN ĐỊNH:

Chúng tôi tiếp tục lạc quan về dòng vốn FDI sẽ tiếp tục đổ mạnh vào Việt Nam trong năm 2022 nhờ:

- (1) Cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn tiếp tục diễn ra và đẩy mạnh làn sóng đa dạng hóa hoạt động sản xuất của các công ty đa quốc gia sang các khu vực khác của châu Á (bao gồm cả Việt Nam) vẫn đang tiếp tục diễn ra không chỉ để giảm thiểu tác động của cuộc chiến thương mại mà còn để cắt giảm chi phí sản xuất;
- (2) Việt Nam, với một danh sách dài các hiệp định thương mại tự do (FTA), tình hình vĩ mô ổn định và giá nhân công cạnh tranh hơn trong khu vực có thể trở thành địa điểm lý tưởng để các công ty dịch chuyển nhà máy của họ sang; và
- (3) Các ưu đãi về pháp luật và thuế đối với các ngành công nghiệp hỗ trợ liên quan đến cung cấp nguyên liệu, phụ tùng, linh kiện cho các ngành công nghiệp sản xuất sẽ tiếp tục thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ

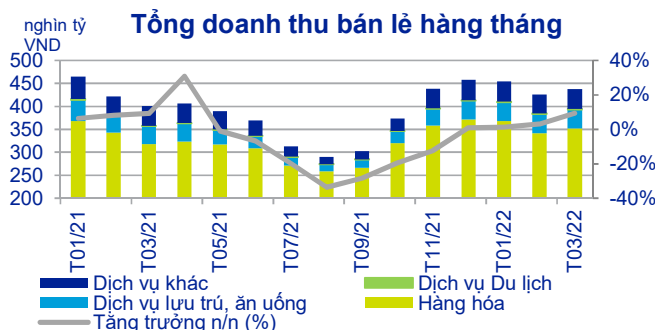
Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiếp tục phục hồi sau khi các hoạt động kinh tế được khởi động lại trong Q4/2021

Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng dần hồi phục trong Q1/2022 sau khi chính phủ chuyển sang chiến lược sống-chung-với-COVID-19. Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ Q1/2022 đạt 1.318 nghìn tỷ đồng, tăng 4,44% so với cùng kỳ (sv -2,83% n/n trong Q4/2021 và +4,60% n/n trong Q1/2021).

Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa trong Q1/2022 hồi phục khi các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng tại các khu vực kinh tế trọng điểm trải khắp đất nước giúp phục hồi lực cầu nội địa và kéo doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 5,76 % n/n trong Q1/2022, đạt 1.062 nghìn tỷ đồng.

Mặc dù hầu hết các hoạt động kinh doanh, thương mại và dịch vụ như trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, nhà hàng, tiệm cắt tóc, phòng tập thể dục, và các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú đều đã được mở cửa trở lại, nhưng tổng doanh thu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống trong Q1/2022 vẫn chưa hoàn toàn hồi phục và vẫn còn thiếu vắng nhu cầu từ khách du lịch nước ngoài trong Q1/2022. Doanh thu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống ước tính đạt 124 nghìn tỷ đồng trong Q1/2022, giảm 1,18% n/n (sv. -3,746% n/n trong Q1/21).

Trong suốt Q1/2022, các hoạt động du lịch quốc tế có dấu hiệu phục hồi khi chính phủ Việt Nam đã dỡ bỏ các hạn chế về tần suất các chuyến bay quốc tế từ 15/02 và dỡ bỏ các biện pháp cách ly y tế & mở cửa trở lại cho du lịch quốc tế bắt đầu từ ngày 15/03 (số lượng khách nước ngoài đến Việt Nam trong Q1/22 đạt có 91 nghìn người +89% n/n). Bên cạnh đó, nhu cầu du lịch nội địa gia tăng trong Q1/2022, đặc biệt trong dịp Tết Dương Lịch và Tết Nguyên Đán gần đây. Cụ thể, ngành dịch vụ du lịch tăng 1,86% so với cùng kỳ năm ngoái trong Q1/2022, đạt 3,1 nghìn tỷ đồng (sv. -45,21% n/n trong Q4/21 và -60,40 n/n trong Q1/21).



	Q1/22	Q1/21
Tổng doanh thu bán lẻ	4,44%	4,60%
Hàng hóa	5,76%	6,23%
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1,18%	-3,74%
Dịch vụ Du lịch	1,86%	-60,40%
Dịch vụ khác	-2,53%	4,50%

Nguồn: Tổng cục thống kê

NHẬN ĐỊNH:

Chúng tôi kỳ vọng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ sẽ tiếp tục phục hồi trong ba quý cuối năm 2022, được hỗ trợ bởi:

- Vào cuối T1/2022, tất cả các hoạt động kinh doanh dịch vụ về cơ bản đều được mở cửa trở lại cộng với các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng. Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu nội địa sẽ tiếp tục hồi phục trong những tháng sắp tới của năm 2022, và giúp thúc đẩy doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong ba quý tiếp theo của năm 2022;
- Chính phủ cũng cho khôi phục các chuyến bay quốc tế lại các chuyến bay quốc tế tới 9 địa điểm vào 01/01/2022, bao gồm Bắc Kinh/Quảng Châu (Trung Quốc), Tokyo (Nhật Bản), Seoul (Hàn Quốc), Đài Bắc (Đài Loan - Trung Quốc), Bangkok (Thái Lan), Singapore, Vientiane (Lào), Phnom Penh (Campuchia), San Francisco/Los Angeles (Mỹ). Bên cạnh đó, chính phủ Việt Nam cũng dỡ bỏ hạn chế về tần suất khai thác với các chuyến bay quốc tế vào 15/02;
- Chính phủ mở cửa cho du lịch quốc tế từ 15/03. Du khách nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam phải tuân theo thủ tục phòng chống dịch COVID-19 tại Văn bản số 1265/BYT-DP * 15/03/2022 do Bộ Y tế Việt Nam ban hành. Những yêu cầu mới này đối với du khách nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam sẽ giúp thúc đẩy du lịch quốc tế và gia tăng doanh thu bán lẻ từ dịch vụ du lịch vào trong những quý còn lại của năm 2022.

* Vào ngày 15/03/2022 Bộ Y tế Việt Nam đã ban hành quy trình phòng chống dịch COVID-19 dành cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam tại Văn bản số 1265 / BYT-DP, với yêu cầu:

- + Có kết quả xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 (trừ trẻ em dưới 2 tuổi) trước khi nhập cảnh trong vòng 72 giờ nếu sử dụng phương pháp RT-PCR/RT-LAMP hoặc trong vòng 24 giờ nếu sử dụng phương pháp xét nghiệm nhanh kháng nguyên với virus SARS-CoV-2;
- + Người nhập cảnh phải thực hiện khai báo y tế trước khi nhập cảnh và tải & sử dụng ứng dụng khai báo y tế PC-COVID; và
- + Trong trường hợp không có kết quả xét nghiệm COVID-19 trước khi nhập cảnh, phải thực hiện xét nghiệm trong vòng 24 giờ sau khi nhập cảnh vào Việt Nam. Nếu kết quả âm tính, du khách có thể đi du lịch bất cứ nơi nào trong lãnh thổ Việt Nam; không yêu cầu cách ly y tế.

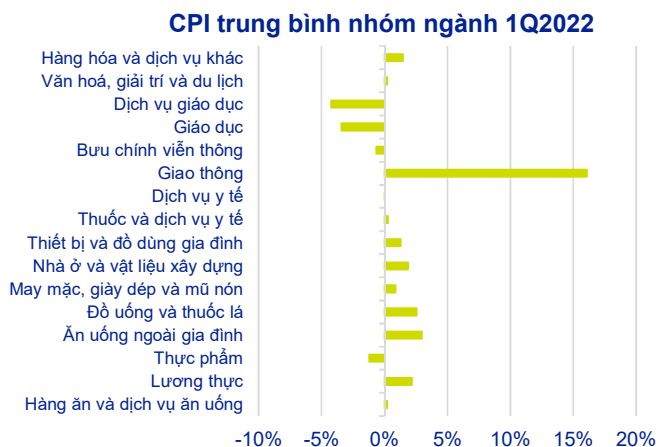
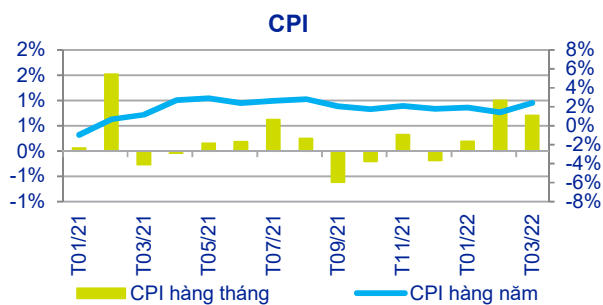
Chỉ số giá tiêu dùng

Lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát, và vẫn thấp so với mục tiêu lạm phát 4% của chính phủ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trung bình Q1/2022 tăng 1,92% so với trung bình năm Q1/2021 do:

- (1) Nhóm giao thông vận tải tăng mạnh nhất với mức tăng 16,1%, chủ yếu do tác động của điều chỉnh tăng 48,81% n/n giá xăng, dầu so với cùng kỳ năm 2021.
- (2) Nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 3,0% n/n, chủ yếu do nhu cầu tăng mạnh trong những dịp lễ lớn và chi phí vận chuyển gia tăng;
- (3) Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,5%, chủ yếu do tác động tăng hơn 1,0% n/n của giá bán lẻ rượu, bia, thức uống không cồn và thuốc lá; và
- (4) Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,9% n/n, chủ yếu do giá bán lẻ gas tăng 21,04% n/nv và giá các vật liệu bảo dưỡng nhà tăng hơn 8,08% n/n.

Ngoài ra, lạm phát cơ bản trung bình Q1/2022 tăng 0,81% n/n.



Nguồn: Tổng cục thống kê

NHẬN ĐỊNH:

Theo chúng tôi, CPI Việt Nam trong những quý sắp tới của năm 2022 sẽ chịu áp lực từ:

- (1) căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine đã khiến hàng hóa tăng vọt, đặc biệt là các sản phẩm chính của hai nước này bao gồm dầu, khí đốt, sắt thép, phân bón, than và các sản phẩm nông nghiệp. Phân bón tăng có thể gây áp lực tăng giá đối với các mặt hàng lương thực của chúng ta và các sản phẩm nông nghiệp tăng giá có thể gây áp lực tăng giá thức ăn chăn nuôi và do đó sẽ ảnh hưởng đến giá các loại thịt gia cầm và gia súc. Và nhóm ngành lương thực và thực phẩm bị giá tăng áp lực lạm phát trong những quý sắp tới của năm 2022;
- (2) Giá dầu leo thang gần đây do ảnh hưởng của việc nối lại các hoạt động sản xuất sau COVID-19 và căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine. Giá dầu tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá xăng dầu trong nước của Việt Nam và gây áp lực tăng đối với ngành giao thông vận tải và gián tiếp tạo áp lực tăng lên giá của các mặt hàng khác thuộc các nhóm khác nhau trong rổ tính CPI;
- (3) Giá gas bán lẻ cũng tăng theo giá dầu thế giới và cũng sẽ gây áp lực tăng trực tiếp lên nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng. Bên cạnh đó, giá gas cũng có tác động gián tiếp làm tăng chi phí vận chuyển lên nhóm thực phẩm và dịch vụ ăn uống;
- (4) Trung Quốc đóng cửa một số thành phố lớn do đợt bùng phát dịch COVID-19 trong T3/2022 có thể kéo dài hơn và có thể làm gia tăng sự gián đoạn chuỗi cung ứng, do đó một lần nữa sẽ gia tăng áp lực lạm phát trong các quý sắp tới của năm 2022.

Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng áp lực gia tăng lạm phát sẽ được bù trừ hoàn toàn hoặc một phần nhờ các yếu tố sau:

- (1) Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, đặc biệt là giá lương thực, sẽ ít biến động hơn do năng suất thịt heo đã phục hồi nhờ dịch tả lợn Châu Phi đã được kiểm soát và đàn lợn của Việt Nam dần hồi phục, và nguồn cung các loại lương thực, thực

phẩm khác sẽ không bị gián đoạn do thiếu cung hoặc nhu cầu đột biến tăng mạnh hoặc gián đoạn chuỗi cung ứng hoặc công suất sản xuất thấp;

- (2) Giá dầu dự kiến sẽ ổn định trong sáu tháng cuối năm 2022 do cung và cầu sẽ ổn định khi mà việc sản xuất dầu bắt kịp nhu cầu sau dịch COVID-19, và căng thẳng địa chính trị tại biên giới Nga-Ukraine kết thúc. Bên cạnh đó chúng tôi cũng kỳ vọng giá bán lẻ xăng dầu cũng sẽ ổn định trong sáu tháng cuối năm 2022.

Nhìn chung, chúng tôi điều chỉnh nhẹ kỳ vọng CPI năm 2022 sẽ tăng trong khoảng 3,5% - 4,0% (sv. mức của 3,0% - 3,5%) và vẫn nằm trong mục tiêu 4% của Chính phủ.

Dữ liệu kinh tế - Việt Nam

Dữ liệu hàng tháng	T04/21	T05/21	T06/21	T07/21	T08/21	T09/21	T10/21	T11/21	T12/21	T01/22	T02/22	T03/22
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	22,2%	11,8%	6,8%	-0,35%	-7,77%	-5,53%	-1,59%	8,15%	8,67%	2,8%	9,2%	8,5%
<i>Khai khoáng</i>	-0,7%	-5,9%	-4,9%	-10,92%	-2,81%	-7,10%	-7,18%	6,18%	-7,14%	-1,7%	2,2%	2,7%
<i>Chế biến, chế tạo</i>	26,4%	14,4%	8,1%	0,70%	-9,28%	-4,86%	-1,59%	8,55%	10,94%	2,9%	9,7%	9,6%
<i>Sản xuất và phân phối điện</i>	19,8%	12,7%	8,2%	1,66%	-1,86%	-9,65%	2,36%	6,85%	9,12%	5,2%	11,9%	4,8%
<i>Cung cấp nước, xử lý rác thải</i>	11,8%	4,1%	6,0%	0,98%	-0,14%	-2,04%	1,45%	0,43%	0,77%	4,1%	4,3%	8,5%
Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI)	54,7	53,1	44,1	45,1	40,2	40,2	52,1	52,2	52,5	53,7	54,3	51,7
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	30,92%	-1,03%	-6,65%	-19,80%	-33,70%	-28,41%	-19,52%	-12,24%	1,06%	1,26%	3,09%	9,44%
CPI (t/t)	-0,04%	0,16%	0,19%	0,62%	0,25%	-0,62%	-0,20%	0,32%	-0,18%	0,19%	1,00%	0,70%
CPI (n/n)	2,70%	2,90%	2,42%	2,64%	2,82%	2,06%	1,77%	2,10%	1,81%	1,94%	1,42%	2,41%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	26.550	26.193	26.500	27.865	27.228	27.026	28.871	31.868	34.517	30.845	23.417	34.061
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	27.775	28.267	27.500	29.112	27.338	26.666	26.133	30.610	31.975	29.449	25.381	32.672
Cán cân thương mại (triệu USD)	(1.225)	(2.074)	(1.000)	(1.247)	(109)	360	2.738	1.258	2.542	1.395	(1.964)	1.389
FDI giải ngân (triệu USD)	1.400	1.650	2.090	1.007	1.658	2.594	1.870	1.950	2.640	1.612	1.068	1.740
FDI đăng ký (triệu USD)	1.879	1.483	978	1.260	1.080	1.700	1.184	1.972	2.180	1.658	2.568	3.054

Dữ liệu hàng quý	Q2 2020	Q3 2020	Q4 2020	Q1 2021	Q2 2021	Q3 2021	Q4 2021	Q1 2022
GDP (n/n)	0,39%	2,69%	4,48%	4,48%	6,61%	-6,17%	5,22%	5,03%
<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	1,80%	2,79%	4,69%	3,16%	4,11%	1,04%	3,16%	2,45%
<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	1,69%	3,20%	5,60%	6,30%	10,28%	-5,02%	5,61%	6,38%
<i>Dịch vụ</i>	-1,93%	2,80%	4,29%	3,34%	4,30%	-9,28%	5,42%	4,58%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	0,20%	1,80%	6,31%	5,70%	13,01%	-4,36%	6,37%	6,44%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	-5,50%	4,38%	8,04%	5,10%	5,10%	-28,27%	-2,83%	4,44%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	122.789	202.860	281.471	77.344	157.630	240.524	336.250	88.579
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	117.327	185.870	262.407	75.308	159.103	242.655	332.250	87.770
Cán cân thương mại (triệu USD)	5.462	16.990	19.064	2.036	(1.473)	(2.131)	4.000	890
FDI giải ngân (triệu USD)	3.850	4.800	5.110	4.100	5.140	5.259	6.460	4.420
FDI đăng ký (triệu USD)	6.597	5.564	3.316	9.235	4.340	4.040	5.336	7.280

Dữ liệu hàng năm	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
GDP (n/n)	5,42%	5,98%	6,68%	6,21%	6,81%	7,08%	7,02%	2,91%	2,58%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) (n/n)	5,9%	7,6%	9,8%	7,5%	11,3%	10,2%	8,9%	3,4%	4,8%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (n/n)	10%	12%	11%	11%	10%	11,7%	12,0%	2,62%	-2,83%
CPI (n/n)	6,6%	4,1%	0,6%	2,7%	3,5%	3,5%	2,8%	3,23%	-3,8%
Kim ngạch xuất khẩu (YTD) (triệu USD)	132.175	150.042	162.439	175.942	213.770	244.723	264.341	281.471	336.250
Kim ngạch nhập khẩu (YTD) (triệu USD)	131.312	148.058	165.609	173.262	211.096	237.512	253.919	262.407	332.250
Cán cân thương mại (triệu USD)	862	1.984	(3.170)	2.680	2.674	7.211	10.400	19.064	4.000
FDI giải ngân (tỷ USD)	11,50	12,35	14,50	15,80	17,50	19,10	20,38	19,98	19,74
FDI đăng ký (tỷ USD)	22,30	21,92	22,76	24,37	35,88	35,47	22,55	21,06	24,26

LIÊN HỆ

Trụ sở chính

41, Mạc Đĩnh Chi Q.1, TPHCM
Tel: (+84 28) 3823 4159
Fax: (+84 28) 3823 5060

Chi nhánh Hà Nội

10, Phan Chu Trinh Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3942 9395
Fax: (+84 24) 3942 9407

PHÒNG PHÂN TÍCH

Phó phòng Phân tích

Nguyễn Bình Thanh Giao
(+84 28) 3823 4159 (ext: 250)
giaonbt@acbs.com.vn

TBP – Bất động sản

Phạm Thái Thanh Trúc
(+84 28) 3823 4159 (ext: 303)
trucptt@acbs.com.vn

CVPT – Hàng tiêu dùng, Truyền thông

Trần Nhật Trung
(+84 28) 3823 4159 (ext: 351)
trungtn@acbs.com.vn

NVPT – Vật liệu xây dựng

Huỳnh Anh Huy
(+84 28) 3823 4159 (ext: 325)
huyha@acbs.com.vn

TBP – Tài chính ngân hàng

Cao Việt Hùng, CFA
(+8428) 3823 4159 (ext: 326)
hungcv@acbs.com.vn

CVPT- Dầu khí

Phan Việt Hưng
(+84 28) 3823 4159 (ext: 354)
hungpv@acbs.com.vn

NVPT – PTKT

Lương Duy Phước
(+84 28) 3823 4159 (ext: 354)
phuocld@acbs.com.vn

CVPT – Hàng tiêu dùng, Công nghệ

Lương Thị Kim Chi
(+84 28) 3823 4159 (ext: 327)
chiltk@acbs.com.vn

CVPT – Vĩ mô

Trịnh Viết Hoàng Minh
(+84 28) 3823 4159 (ext: 352)
minhtvh@acbs.com.vn

CVPT – Vĩ mô

Nguyễn Thị Hòa
(+84 28) 3823 4159 (ext: 352)
hoant@acbs.com.vn

KHOİ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Giám đốc Khối Khách hàng Định chế

Tyler Cheung
(+84 28) 38 234 876
tyler@acbs.com.vn

Trưởng bộ phận - GDKHĐC

Chu Thị Kim Hương
(+84 28) 3824 6679
huongctk@acbs.com.vn

Chuyên viên GDKHĐC

Trần Thị Thanh
(+84 28) 3824 7677
thanhtt@acbs.com.vn

Chuyên viên GDKHĐC

Chu Thị Minh Phương
(+84 28) 3823 4159 (ext: 357)
phuongctm@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Lý Ngọc Dung
(+84 28) 3823 4159 (ext: 313)
dungln.hso@acbs.com.vn

NV Hỗ trợ khách hàng

Lê Nguyễn Tiến Thành
(+84 28) 3823 4798
thanhln@acbs.com.vn

Nhân viên GDKHĐC

Nguyễn Phương Nhi
(+84 28) 3823 4159 (ext: 315)
nhinp@acbs.com.vn

KHUYẾN CÁO

Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày ở đây.

Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào. ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này. **ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó.** Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi đó cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này. Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2022). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích, Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.